

Số: 144/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 02 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị C**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai**.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai**.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con khi ly hôn: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T** có 02 con chung là **Bùi Ngọc Anh V**, sinh ngày 26/6/2017 và **Bùi Ngọc An N**, sinh ngày 13/8/2020. Chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T** thống nhất thỏa thuận như sau:

Chị **Hoàng Thị C** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên **Bùi Ngọc Anh V**, sinh ngày 26/6/2017 và **Bùi Ngọc An N**, sinh ngày 13/8/2020 (Như nguyện vọng của con chưa thành niên) cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T** thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị **Hoàng Thị C** và anh **Bùi Văn T** thỏa thuận chị **Hoàng Thị C** tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000711 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị **Hoàng Thị C** đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị **Hoàng Thị C** 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000711 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Lâu (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Văn Quảng